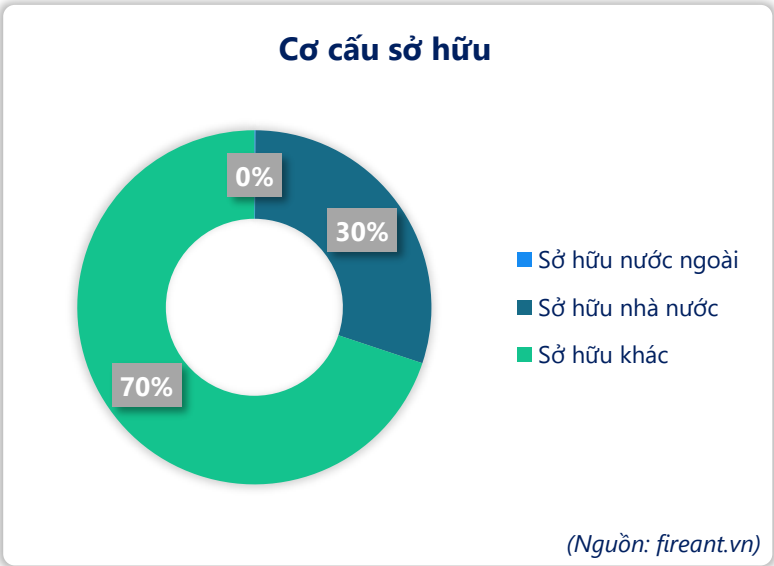
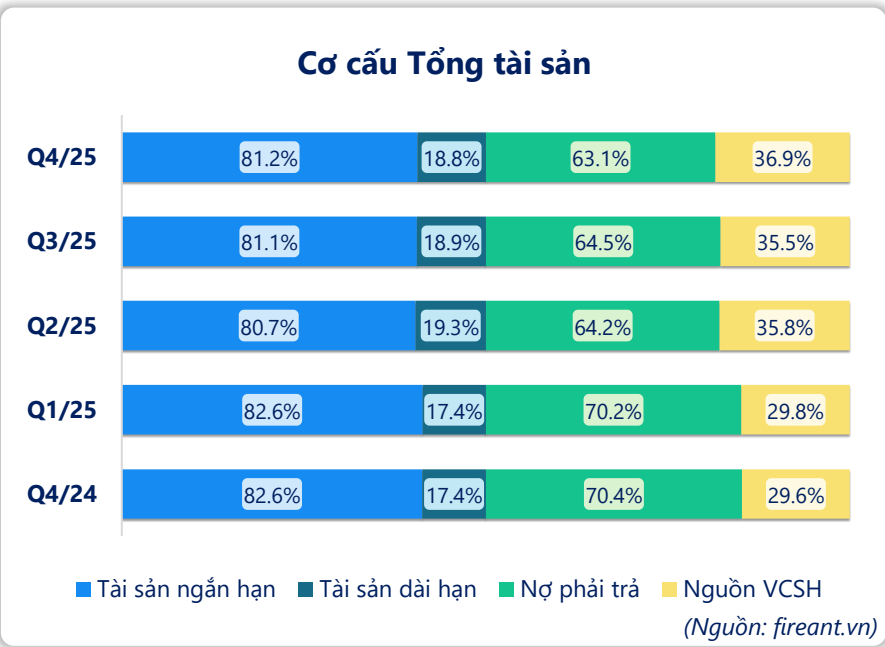
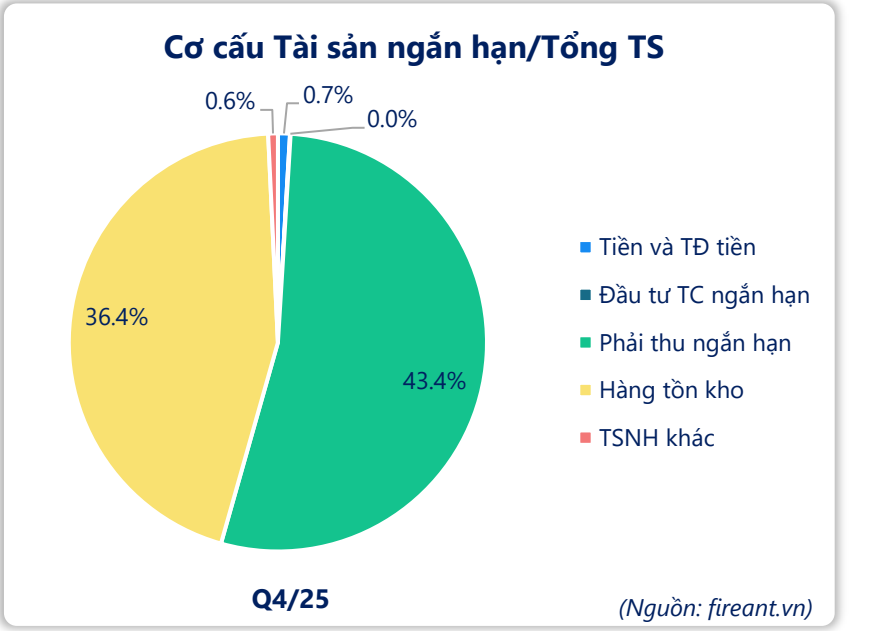
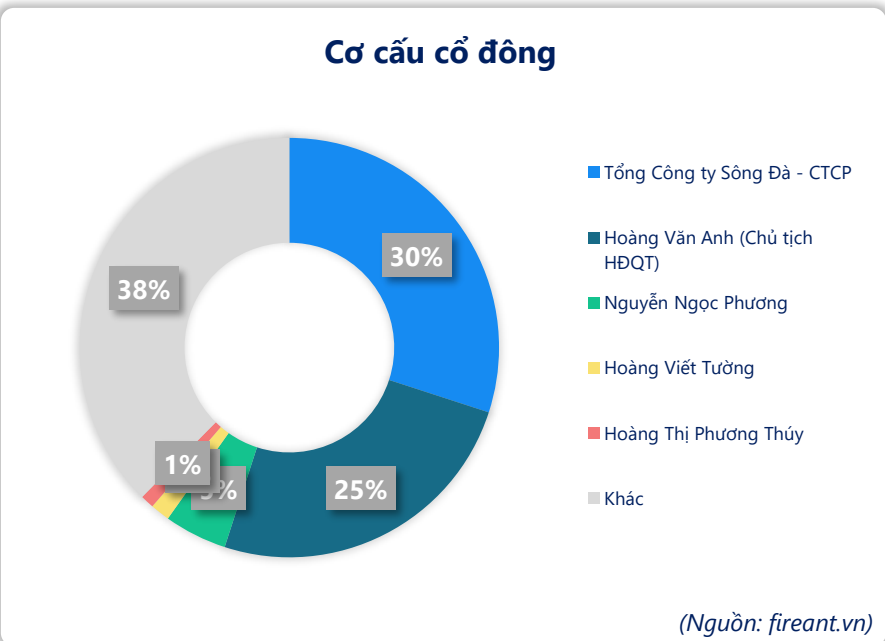
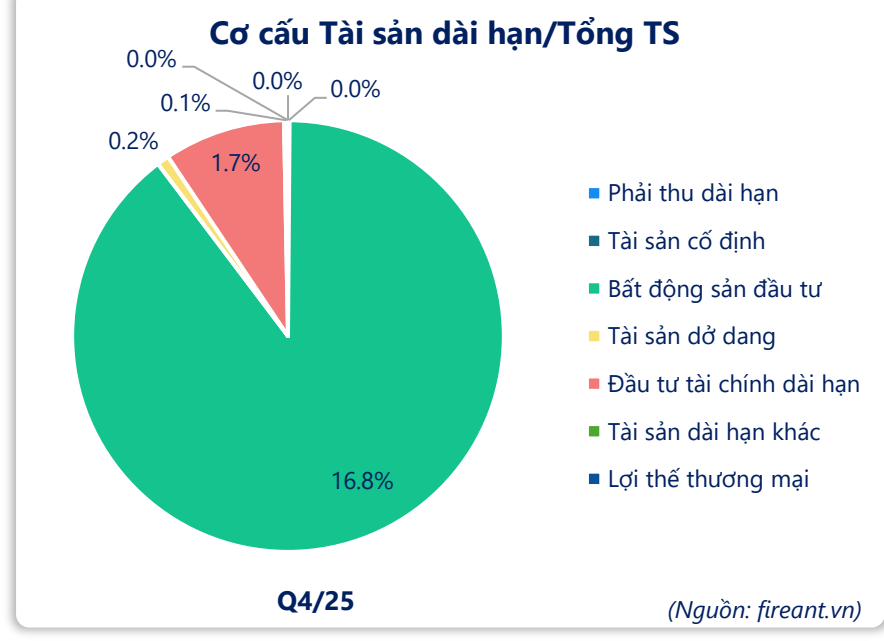
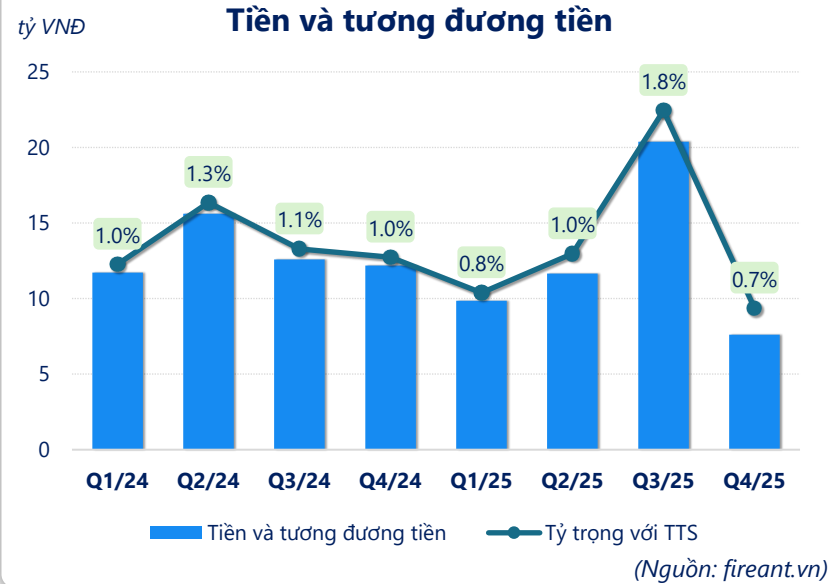
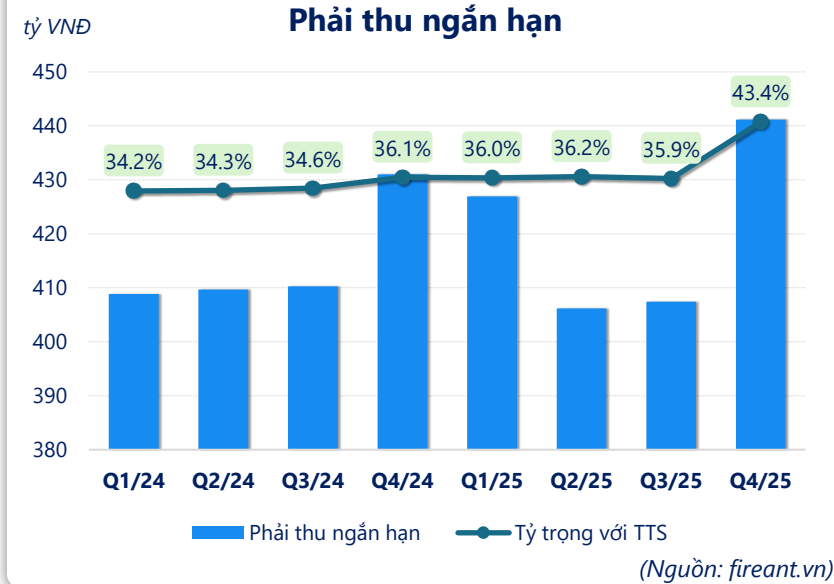
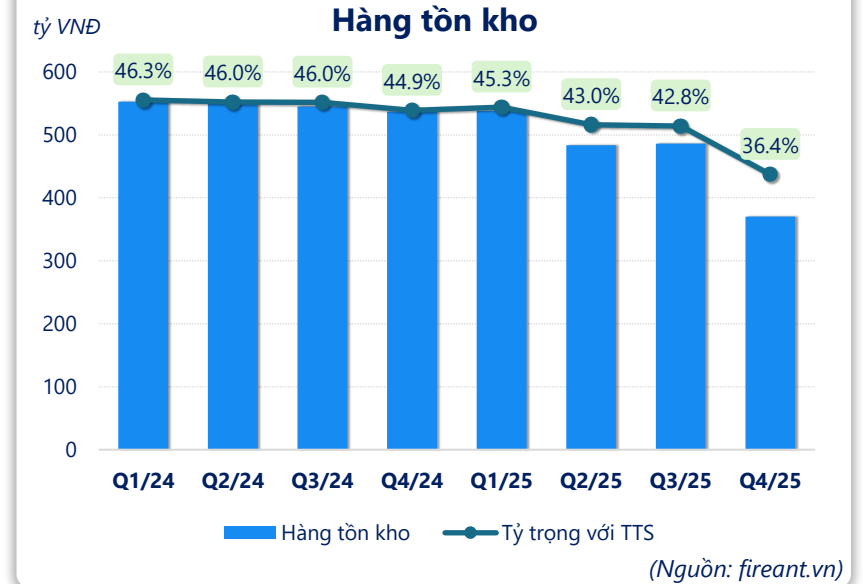
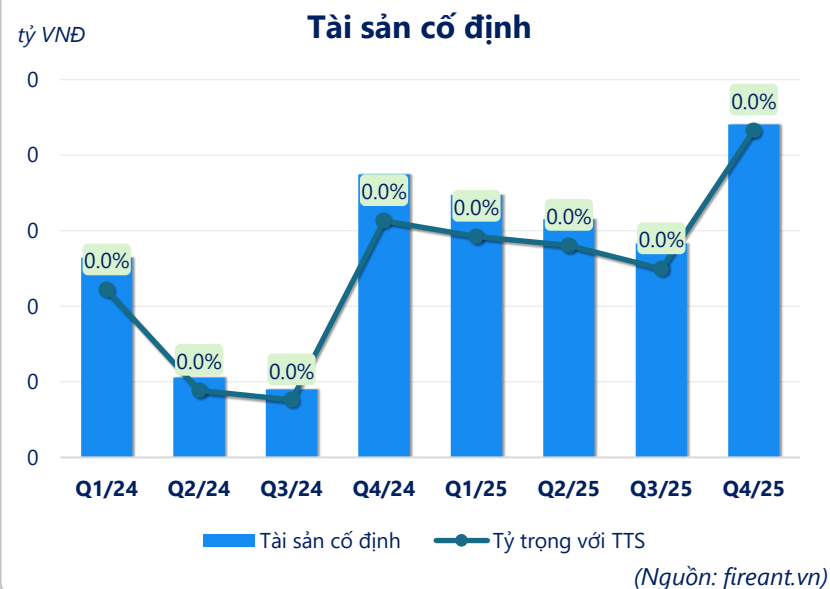
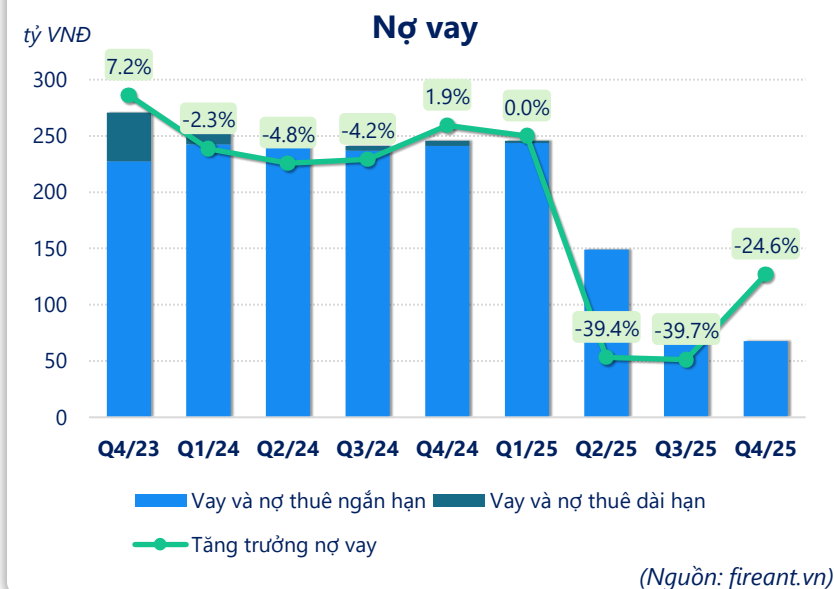
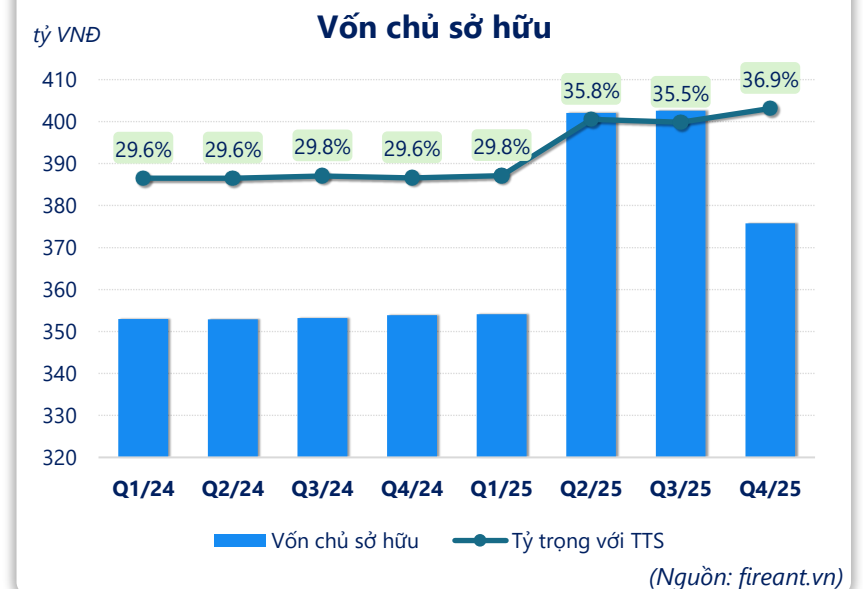
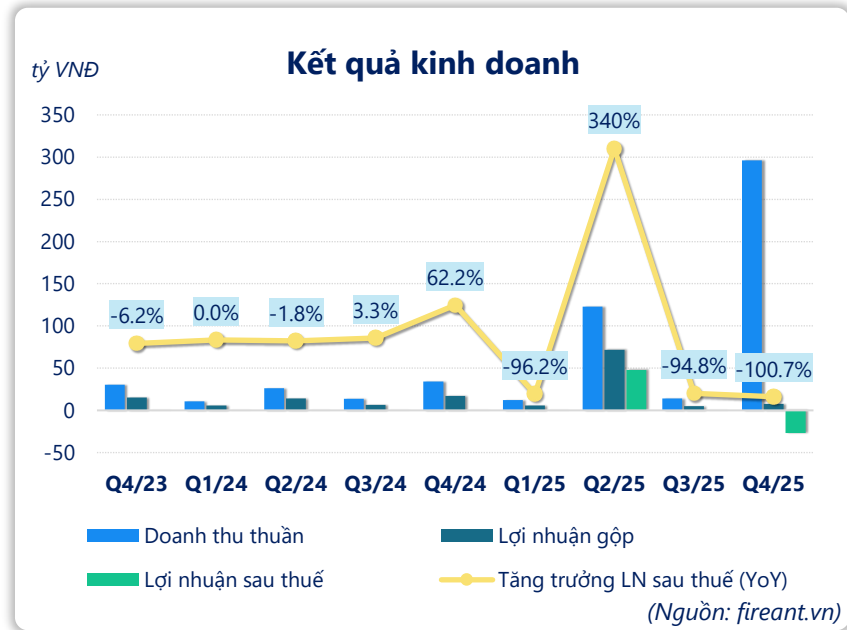
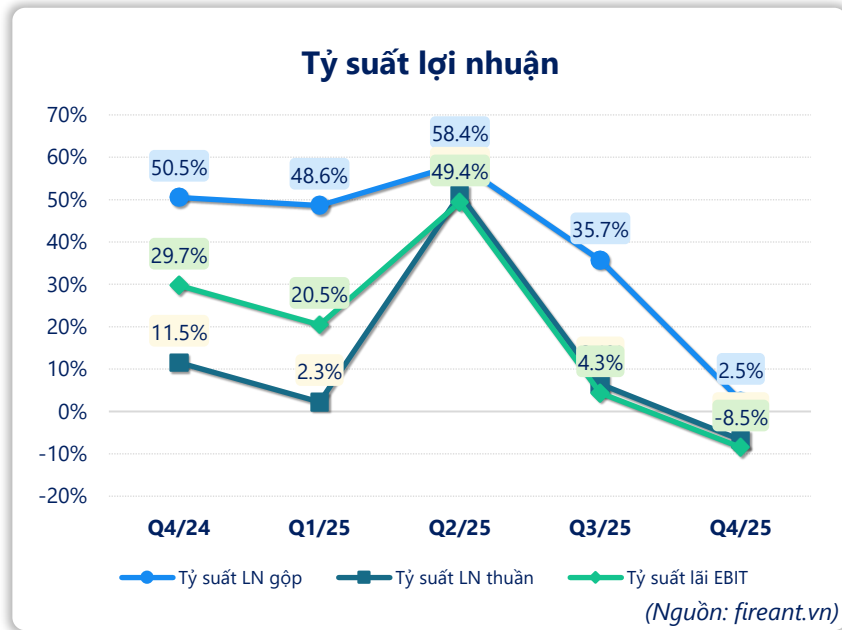
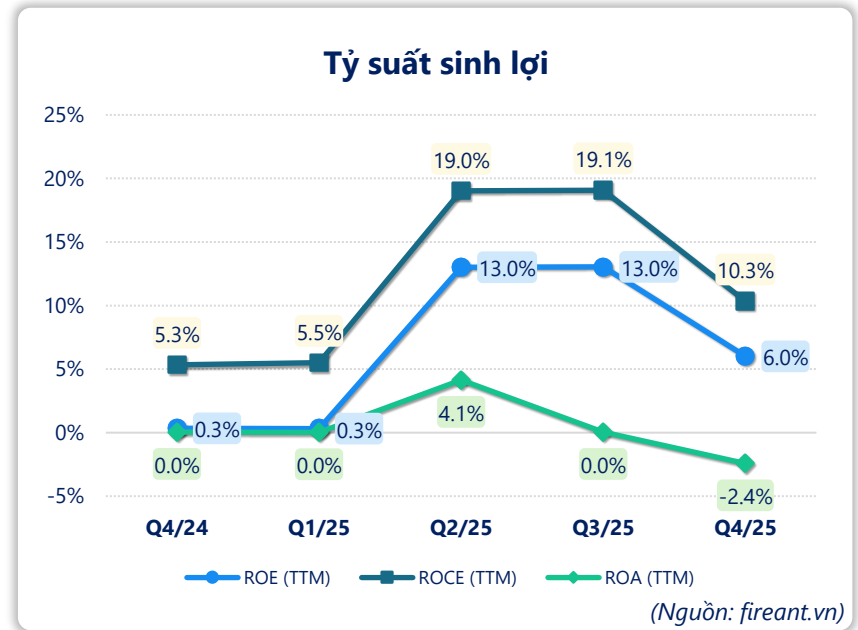
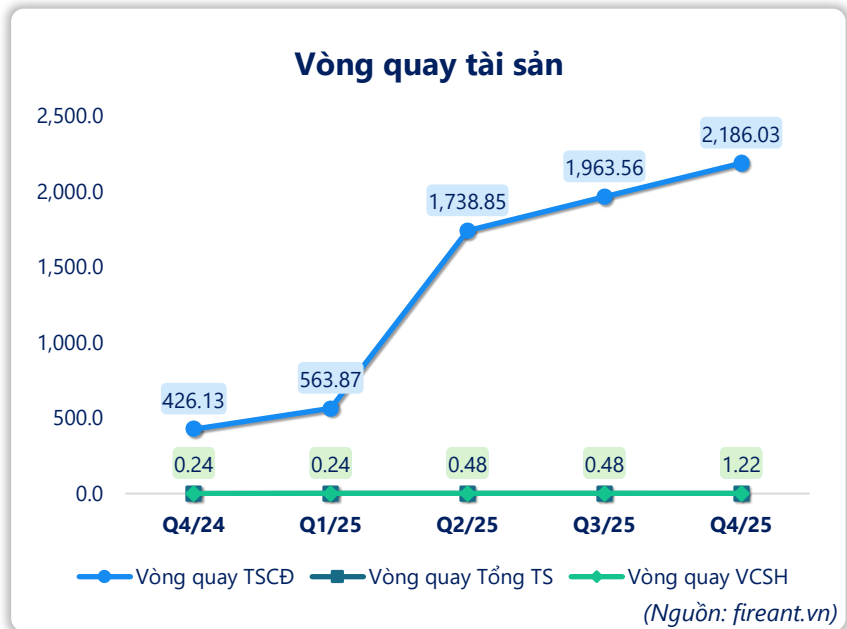
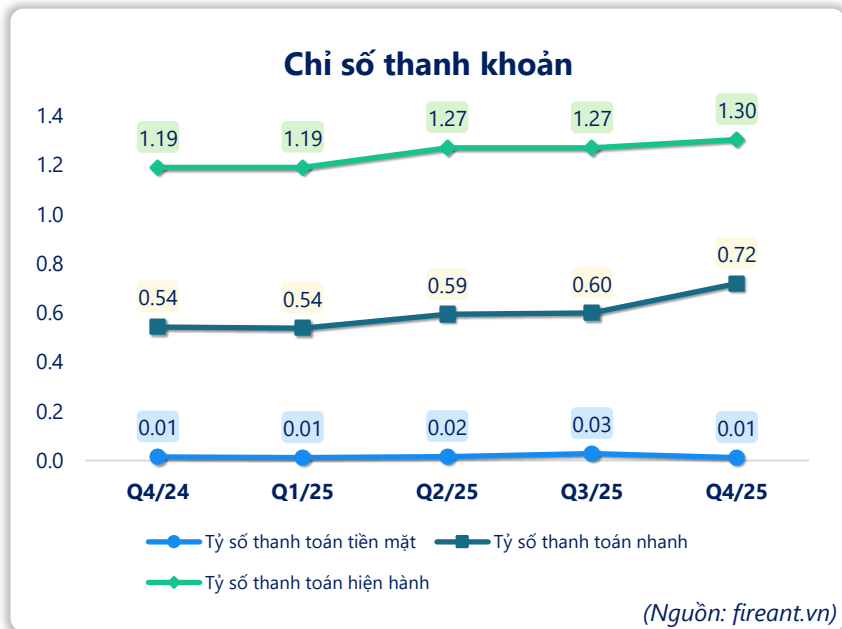
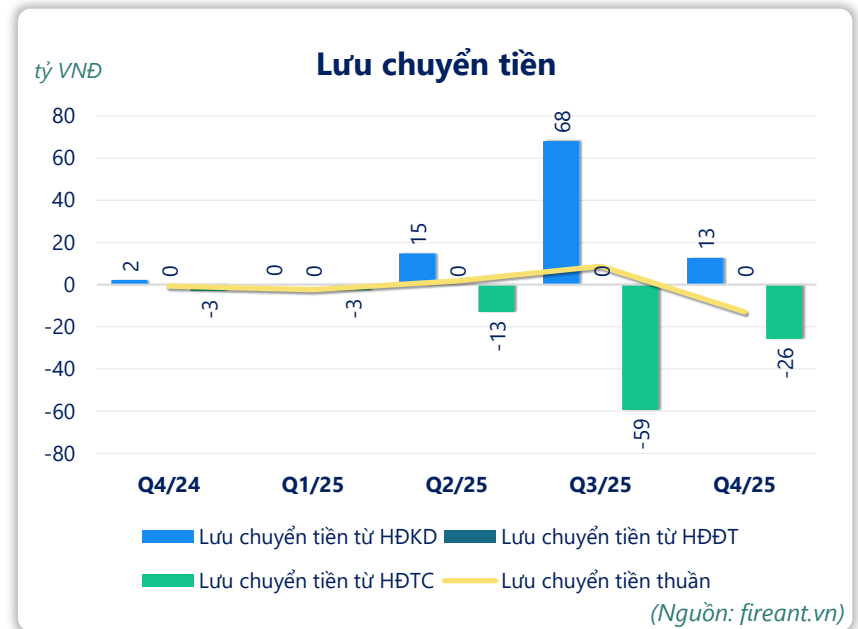


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,000
SL cổ phiếu LH		20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		100
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		340
P/E		15.5
EPS		1,095

	YTD	1T	3T	6T
SDU	-11.5%	-29.8%	-23.8%	1.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,017	1,188	-14.4%
Tài sản ngắn hạn	826	980	-15.8%
Tiền và tương đương tiền	7.62	12.2	-37.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.42	0.41	1.2%
Phải thu ngắn hạn	441	426	3.6%
Hàng tồn kho	370	537	-31.0%
Tài sản ngắn hạn khác	6.18	5.59	10.6%
Tài sản dài hạn	191	208	-8.0%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	0.22	0.19	16.1%
Bất động sản đầu tư	171	165	3.6%
Tài sản dở dang	1.75	1.75	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	17.4	22.6	-23.0%
Tài sản dài hạn khác	0.56	17.9	-96.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	641	835	-23.2%
Nợ ngắn hạn	634	825	-23.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	67.7	244	-72.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.31	17.3	-52.1%
Nợ dài hạn	7.67	9.63	-20.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	1.77	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	376	354	6.2%
Vốn chủ sở hữu	376	354	6.2%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	34.0	12.1	123	14.1	296
Giá vốn hàng bán	16.9	6.24	51.2	9.04	289
Lợi nhuận gộp	17.2	5.89	71.9	5.02	7.51
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00	0.01	0.01	0.01
Chi phí TC	7.48	2.21	3.31	0.01	6.93
Chi phí lãi vay	7.48	2.21	3.31	0.11	1.73
LN trong công ty LKLD	0	0	-0.07	0	0
Chi phí bán hàng	1.04	0	1.01	0	16.4
Chi phí QLDN	4.73	3.41	4.51	4.12	4.12
LN thuần từ HĐKD	3.93	0.27	63.0	0.90	-19.9
Lợi nhuận khác	-1.30	0.00	-5.55	-0.40	-6.96
LN trước thuế	2.63	0.27	57.4	0.50	-26.8
Lợi nhuận sau thuế	0.58	0.27	48.0	0.50	-26.8
LNST của CĐ cty mẹ	0.58	0.27	48.0	0.50	-26.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.22	0.28	14.7	68.0	12.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.00	0.01	0.01	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.89	-2.61	-13.0	-59.3	-25.6
Tiền đầu kỳ	12.6	12.2	9.86	11.6	20.4
Lưu chuyển tiền thuần	-0.66	-2.32	1.79	8.73	-12.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.2	9.86	11.6	20.4	7.62

(Nguồn: fireant.vn)